

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 24/3/2026
V/v: “Ly hôn, t/c về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thanh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Tô Thị Lành.

2. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai.

Trong ngày 24 tháng 3 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 366/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2026; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Mỹ H; sinh năm: 1989.

Địa chỉ: D H, Tổ dân phố C D, phường D, Tỉnh Gia Lai. Nơi ở hiện nay: 2 H, phường P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Bị đơn: Anh Lê Đức D; sinh năm: 1984.

Địa chỉ: D H, Tổ dân phố C D, phường D, Tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 11 năm 2025 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Phan Thị Mỹ H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Lê Đức D qua tự nguyện tìm hiểu đã đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 13/5/2010 tại Ủy ban nhân dân phường P (nay là phường P), tỉnh Gia Lai.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, những năm trở lại đây chúng tôi phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, anh D thường xuyên say sưa, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay tôi nhận thấy mâu thuẫn

vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lê Đức D.

- Về con chung: chúng tôi có 02 con chung tên là: Lê Hoàng Bảo M, sinh ngày: 12/7/2010 và Lê Hoàng Bảo H1, sinh ngày: 31/12/2017. Ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung cho đến khi các con thành niên, có khả năng lao động, tự lập được.

- Về cấp dưỡng nuôi con: chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Bị đơn là anh Lê Đức D mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn cố tình không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H. Do vậy, anh D không có lời khai trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, anh D vắng mặt đến lần thứ hai, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ theo đơn khởi kiện của chị Phan Thị Mỹ H và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: bị đơn là anh Lê Đức D có hộ khẩu thường trú tại D H, Tổ dân phố C D, phường D, Tỉnh Gia Lai. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Do bị đơn Lê Đức D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Mỹ H và anh Lê Đức D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 13/5/2010 tại Ủy ban nhân dân phường P (nay là phường P), tỉnh Gia Lai, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo như chị H trình bày, quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, những năm trở lại đây giữa hai người phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, anh D thường xuyên say sưa, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Đến nay chị H và 02 con đã dọn về nhà mẹ ruột của chị sinh sống. Nay chị H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn anh Lê Đức D.

Đối với bị đơn là anh Lê Đức D, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh D vẫn vắng mặt, nên không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị H. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định về “Tình nghĩa vợ chồng” như sau:

“ 1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.”

Xét thấy tình trạng hôn nhân trên thực tế hiện nay giữa chị H và anh D đã xảy ra nhiều mâu thuẫn mà cả hai bên đều không ai có biện pháp hay thiện chí để giải quyết, dẫn đến hiện tại hai người đã sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, không muốn tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân với anh D nữa. Điều này chứng tỏ, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Phan Thị Mỹ H được ly hôn anh Lê Đức D.

[5] Về con chung: Chị Phan Thị Mỹ H và anh Lê Đức D có 02 con chung tên là: Lê Hoàng Bảo M, sinh ngày: 12/7/2010 và Lê Hoàng Bảo H1, sinh ngày: 31/12/2017. Ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung cho đến khi các con thành niên, có khả năng lao động, tự lập được.

Xét thấy, hiện nay cả hai con chung đều đang sống cùng nhà với chị H và được chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Cả hai con đều là nữ giới, đang ở độ tuổi phát triển toàn diện về tâm sinh lý nên cần sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp từ người mẹ, đồng thời cả 02 con đều có nguyện vọng được trực tiếp ở với mẹ khi ba mẹ ly hôn. Anh D1 không đến Tòa án để trình bày ý kiến, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét nguyện vọng của anh D1 về việc nuôi dưỡng con chung. Xét thấy nguyện vọng của chị H là chính đáng, phù hợp với nguyện vọng con chung nên được chấp nhận.

Giao cho chị Phan Thị Mỹ H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung tên là Lê Hoàng Bảo M, sinh ngày: 12/7/2010 và Lê Hoàng Bảo H1, sinh ngày: 31/12/2017, cho đến khi các con thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phan Thị Mỹ H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phan Thị Mỹ H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Phan Thị Mỹ H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai số 0006133 ngày 04/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6, 8, 9,10; khoản 1 Điều 28, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Phan Thị Mỹ H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Mỹ H được ly hôn anh Lê Đức D.

2. Về con chung: Giao cho chị Phan Thị Mỹ H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung tên là Lê Hoàng Bảo M, sinh ngày: 12/7/2010 và Lê Hoàng Bảo H1, sinh ngày: 31/12/2017 cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định thay đổi mức cấp dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phan Thị Mỹ H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phan Thị Mỹ H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Phan Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai số 0006133 ngày 04/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. (Đã nộp đủ).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 7 – Gia Lai;
- THADS khu vực 7 – Gia Lai;
- Các đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Thanh Hà